

PHƯƠNG THỨC SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC CỦA NGƯỜI TÀY Ở THÔN PÒ CẠI, XÃ GIA CÁT, HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

PHẠM THỊ CẨM VÂN

Đặt vấn đề

Người Tày được biết đến là một trong những cư dân trồng lúa nước, cư trú chủ yếu ở vùng thung lũng chân núi, nơi gần nguồn nước và có điều kiện thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt. Trải qua thời gian, họ đã tích lũy cho mình vốn kinh nghiệm phong phú trong sử dụng tài nguyên nước để sản xuất cũng như sinh hoạt hàng ngày. Mặc dù vậy, cho đến nay, có rất ít công trình nghiên cứu về sử dụng tài nguyên nước hay tri thức địa phương trong sử dụng tài nguyên nước của người Tày (La Công Ý, 1977; Viện Dân tộc học, 1992, 2014; Trần Văn Hà, 1999; Đoàn Đình Thi, 2005). Đặc biệt, vấn đề sử dụng và quản lý tài nguyên nước trước những tác động của quá trình phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở người Tày hiện nay lại càng được ít nhà nghiên cứu đề cập đến.

Bài viết này là những tìm hiểu ban đầu về phương thức sử dụng nguồn nước của cộng đồng người Tày ở thôn Pò Cại (xã Gia Cát, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn) dưới ba phương diện khác nhau: phục vụ sản xuất (trồng ruộng, nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản), sinh hoạt hàng ngày (ăn uống, tắm rửa, giặt giũ...) và các nghi lễ, tín ngưỡng liên quan đến nước; từ đó, tìm ra những biến đổi trong sử dụng và quản lý tài

nguyên nước trong bối cảnh mới ở một xã vùng biên của tỉnh Lạng Sơn.

1. Các loại nguồn nước của người Tày ở Pò Cại

Theo phân loại của người dân, ở thôn Pò Cại có các nguồn nước chính: nước mưa (*nặm pân*), nước suối (*nặm khuổi*), nước khe (*nặm lòng*)¹, nước mạch (*nặm mạch*)², nước ao (*nặm pại*). Với mỗi nguồn nước, người dân đều sử dụng rất linh hoạt trong đời sống của mình (xem Bảng 1).

2. Cách sử dụng nguồn nước của người Tày

2.1. Sử dụng nước trong sinh hoạt

Ở thôn Pò Cại, nguồn nước chủ yếu người dân sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày là nước ngầm tràn từ lòng đất lên (nước mạch). Để tìm được nguồn nước có chất lượng, người Tày xưa có kinh nghiệm rằng, đến khu vực ven chân núi, tìm trên mặt đất, thấy có đám đất đầy lên trên mặt và có một ít nước trào ra thì chắc chắn chỗ đó là có nước. Sau khi xác định được vị trí này, họ khơi rộng, đào sâu rồi lát đá cuội xuống đáy cho nước được trong và trữ được nhiều nước.

¹ Nước này chảy ra từ khe núi.

² Hay còn gọi là nước ngầm tràn lên từ trong lòng đất; nguồn nước này còn được người dân gọi với cái tên khác là nước “giếng trời”.

Bảng 1. Mục đích sử dụng các nguồn nước của người Tày

STT	Mục đích sử dụng	Tên nguồn nước
1	Nước dùng trong sinh hoạt	- Nước mạch - Nước giếng khoan: có rất ít hộ sử dụng, chỉ dùng trong giặt rửa, không dùng trong ăn uống.
2	Nước dùng trong sản xuất	- Nước mưa: quan trọng với những diện tích ruộng ở xa sông, suối, khe nước. - Nước suối: người dân xây các con đập chắn nước nhỏ, dùng máy bơm nước lên ruộng. - Nước khe: người dân thường khơi những phai nhỏ, và tùy theo mùa, cho nước chảy vào ruộng theo hệ thống phai này.
3	Nước dùng trong nuôi trồng, đánh bắt thủy sản	- Mặt nước ruộng, mặt nước ao. - Mặt nước suối.

Nguồn: Điều tra thực địa năm 2014.

Theo thời gian, đặc biệt là với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, cách thức lấy nước về nhà của người dân ở Pò Cại đã có nhiều thay đổi. Trước kia, họ phải đi lấy nước từ 2 - 3 giờ sáng mang về trữ ở các chum nhỏ. Hiện nay, các hộ gia đình sử dụng ống nhựa Tiên Phong làm đường ống đưa nước về nhà. Nước được dẫn về theo hai cách: thứ nhất, các hộ dân tự tạo đường để ống dẫn nước nếu khu vực đầu nguồn nước gần các hộ, và việc bắc đường ống dẫn nước là không khó khăn; thứ hai, có những nhóm hộ tạo chung một đường ống, đưa nước về bể chung trong thôn và từ đó nước được chia tới các hộ. Những hộ dùng chung đường ống dẫn nước này thường ở gần nhau và ở gần một nguồn nước. Bể chứa nước chung này được xây bằng xi măng và đặt ở khu vực thuận tiện nhất cho việc đưa nước về các hộ. Với đặc điểm ở nơi có địa hình thuận lợi, nguồn nước ở cao hơn khu vực sinh sống của người dân nên việc lấy nước về nhà ở các hộ là khá thuận tiện. Những hộ gia

đình có điều kiện sắm máy bơm còn trực tiếp bắc đường ống bơm nước từ mạch nước về bể nhà mình. Có thể nói, việc lấy nước về nhà của người dân theo cách hiện nay đã khiến người Tày tiết kiệm được cả thời gian và công sức so với trước kia.

Các gia đình người Tày ở Pò Cại cùng chung một nguồn nước “giếng trời” có sự phân công rõ ràng lịch lấy nước. Sự phân công này không được quy định thành văn nhưng các hộ đều thống nhất rằng: những hộ phải đi làm đêm³ thì được ưu tiên cho nước chảy về nhà vào ban ngày, hộ khác có thể cho nước chảy về vào ban đêm. Sự phân công giữa các hộ như vậy nhằm tránh tình trạng nhiều gia đình lấy nước cùng lúc, nước sẽ không “về” kịp. Vào những dịp hội hè, hay gia đình nào có hiếu hỉ, các gia đình trong thôn không kể cùng dòng họ sẵn sàng

³ Ở thôn Pò Cại có rất nhiều hộ đi làm thuê, khuôn vác ở khu vực cửa khẩu. Công việc này thường được thực hiện vào ban đêm.

chia sẻ nước của nhà mình cho nhà khác nếu cần. Chính những hoạt động này của người dân Pò Cại đã cho thấy tính cố kết cộng đồng còn rất đậm nét ở địa phương.

Pò Cại nằm trong khu vực thung lũng lòng chảo giữa 5 ngọn núi chính: Kéo Bể, Pan Cơ, Lin Luông, Lộ Cải, Luông Ngai. Đặc điểm của chúng là các núi đất, hiện tượng cacxtơ⁴ hầu như không có, nên quanh năm người dân đều có đủ nước dùng cho sinh hoạt. Theo thống kê, ở địa phận thôn Pò Cại hiện có 4 mạch nước cung cấp cho người dân: Lin Luông (7 - 10 hộ dùng chung), Thông Cọ (trên 30 hộ dùng), Lộ Cải (6 hộ dùng chung), Bó Lướt (nước trong và sạch nhất, có trên 30 hộ dùng). Một số hộ khác gần nguồn nước “giếng trời” của thôn khác (Bắc Nga, Nà Bó...) cũng được dùng chung với thôn đó mà không phải trả bất kỳ khoản lệ phí nào. Cùng với lượng nước dồi dào, chất lượng nước ở Pò Cại cũng khá tốt. Phản ánh của người dân ở đây cho thấy nước trong, ngọt, không có mùi hôi, dùng từ trước đến nay không có ai bị bệnh. Tuy nhiên, vào những ngày mưa lớn, nước tràn lên nhiều, thường đục hơn ngày thường.

Ngoài nước mạch, ở thôn Pò Cại cũng đã có hộ gia đình khoan giếng để dùng. Tuy nhiên, theo ý kiến ở các hộ này, chất lượng nước giếng khoan không bằng nước mạch, nước có màu vàng, lẫn mùi than đá, nên chỉ được sử dụng để giặt rửa, không được dùng để nấu ăn.

⁴ Hiện tượng cacxtơ là quá trình rửa lữa hòa tan đá vôi. Hiện tượng này xảy ra ở những ngọn núi có cấu tạo đá vôi. Theo thời gian, đá vôi bị hòa tan sẽ làm tăng các khoảng rỗng trong đá khiến cho những khu vực này không trữ được nước ngầm.

2.2. Sử dụng nước trong sản xuất nông nghiệp

Hiện nay ở thôn Pò Cại có khoảng 19,66ha diện tích trồng lúa, trong đó chủ yếu là ruộng nước (*nà nặm*) còn lại là ruộng cạn chờ mưa (*nà lạng*), và một số ít ruộng ở trong các khe rộc ít màu mỡ, đất dốc (*nà pùng*). Trước Đổi mới, hầu hết diện tích ruộng ở đây phụ thuộc hoàn toàn vào nước mưa và nước chảy từ các khe núi nên chỉ cấy được một vụ. Từ sau năm 1980, nhờ vào những tiến bộ trong thủy lợi, người dân ở đây đã canh tác được hai vụ lúa. Theo thống kê của UBND xã Gia Cát, toàn xã hiện có khoảng 70% diện tích trồng lúa nước có thể canh tác được hai vụ lúa.

2.2.1. Sử dụng nước khe chảy từ trong núi

Diện tích ruộng ở gần mạch nước ngầm và những khe nước chảy từ trong núi là khu vực mà điều kiện tưới tiêu thuận lợi nhất. Muốn tận dụng được nguồn nước này, những chủ ruộng trên phải dựa vào sức mạnh tập thể để cùng đưa nước về ruộng. Họ thường chọn một trong các cách sau để dẫn nước về ruộng:

Cách chia nước thứ nhất, các hộ đào một mương chính bắt đầu từ khe nước về ruộng, rồi họ lại tạo một đường mương nhỏ chảy dọc theo ruộng để trữ và dẫn nước từ mương chính vào ruộng. Người dân có thể dễ dàng tạo những đường mương dẫn nước về ruộng mà không cần phải bắc ống mương hoặc ống nhựa để dẫn nước như những nơi có địa hình phức tạp khác. Ngoài đường mương chính, các hộ dân này cũng tạo những khe cạn để thoát nước vào mùa mưa cũng như cho nước chảy đi khi đã được cung cấp đủ nước để không bị mất chất màu ở ruộng. Theo người dân, với cách “chia nước” này có thể đảm bảo sự công bằng giữa các

hộ trong việc tiếp cận cũng như sử dụng nguồn nước.

Cách chia nước thứ hai, người dân vẫn tạo đường mương chung để dẫn nước từ khe về, sau đó, nước cho chảy vào ruộng trên cùng; sau khi ruộng ở phía trên đủ nước, họ sẽ mở một đường nhỏ để nước chảy xuống ruộng dưới; cứ thế cho nước chảy xuống những diện tích ruộng ở dưới thấp hơn. Đào mương đến đâu, người ta tháo nước tới đó để kiểm tra độ thông thoát, tránh bị tù úng hoặc quá dốc thì mùa lũ dễ bị phá hủy. Với cách này, mặc dù ruộng trên cùng nhận được nguồn nước đầu tiên, nhưng dễ bị trôi một phần chất màu xuống những ruộng dưới thấp. Để hạn chế đến mức thấp nhất lượng chất màu từ ruộng trên trôi xuống ruộng dưới, người dân thường chỉ tháo nước trước thời điểm bón phân cho ruộng.

Việc chung nhau nguồn nước sản xuất buộc các chủ ruộng ở đây phải có một quy ước chung. Quy ước quy định rằng, ruộng ở trên cao hay ở đầu nguồn nước thì được mở cửa ruộng lấy nước nhỏ, nước được tháo từ ruộng trên xuống ruộng dưới sau khi ruộng trên đã được cung cấp đủ nước. Quy ước này mặc dù không được ghi thành văn bản nhưng đều được các hộ dân tuân thủ và tự giác làm theo. Một thực tế là ở đây chưa bao giờ xảy ra tranh chấp lớn về nguồn nước tưới cung cấp cho ruộng.

Mương dẫn nước được các gia đình dùng chung bảo vệ cẩn thận. Hàng năm, trước khi nghỉ ăn tết Nguyên Đán, họ sẽ cùng nhau đào, sửa đường mương để chuẩn bị cày cấy khi mùa xuân đến.

2.2.2. Sử dụng nước suối

Có thể nói, suối Pò Cại là một trong những nguồn cung cấp nước chính cho hoạt

động nông nghiệp của thôn. Vào mùa mưa, suối có thể cung cấp nước tưới cho các diện tích ruộng ở gần với hệ thống “phai” chắn nước. Ngược lại, vào mùa khô, suối cạn lòng, không thể cung cấp nước tưới cho những diện tích ruộng này được. Những năm gần đây, với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, việc xây dựng, nạo vét các công trình thủy nông⁵, xây dựng đập chắn nước đã chủ động phân nào việc tưới tiêu cho lúa, kể cả những ruộng ở cách xa suối khoảng 25 - 100m. Nhiều diện tích cấy lúa một vụ nay đã cấy được hai vụ.

Với những ruộng thấp ở gần suối, người dân làm hệ thống “phai” (đập ngăn nước) để chắn ngang dòng chảy của suối làm dâng cao nguồn nước để có thể dẫn nước vào ruộng. Trước đây, “phai” của người Tày ở Pò Cại được làm từ gỗ, tre, nứa. Đầu tiên, họ đóng cọc, đổ các trụ rọ đá, dựng phên, đổ đất, đá ngang dòng suối, đồng thời dùng các hàng cột xiên chống đỡ “phai”. Nhưng những “phai” này thường bị phá vỡ về mùa lũ (Viện Dân tộc học, 1992, tr. 76). Năm trong Chương trình 135, những “phai” được dựng bằng phên và đất đá trước đây được thay bằng đập đá xây xi măng, rất chắc chắn. Đến nay, ở địa phương đã xây được 8 đập ngăn nước trên suối Pò Cại.

Với những chân ruộng cao hơn, việc đưa nước suối vào ruộng từ “phai” hay đập ngăn nước là không thể, những ruộng này bắt buộc phải chờ nước mưa. Từ năm 1995, khi có điện lưới quốc gia, người Tày ở Pò Cại đã dùng máy bơm đưa nước lên những

⁵ Theo thống kê của UBND xã Gia Cát, chỉ tính riêng trong năm 2014, toàn xã đã sửa chữa nạo vét được 9.300m mương; trong đó, thôn Pò Cại là khoảng hơn 1.000m mương.

ruộng này. Kể cả những chân ruộng cách xa suối 25 - 100m đều đã chủ động được nước tưới. Với tiến bộ này, những diện tích ruộng ở xung quanh khu vực suối Pò Cại đã trồng được hai vụ lúa trong năm.

Để dùng được nước suối, các hộ có chân ruộng cao cùng nhau bắc một đường ống nhựa đường kính khoảng 10cm từ suối lên ruộng. Khi nào ruộng cần nước, họ dùng máy bơm bơm nước lên ruộng. Để tiết kiệm điện năng cũng như phí làm đường ống bơm nước, những hộ này thường chung nhau đường ống nước để đỡ tốn kém. Đầu tiên, nước được bơm lên ruộng trên cao nhất, sau đó, sẽ được tháo nước xuống những ruộng ở dưới thấp hơn. Hiện nay, những diện tích ruộng ở gần suối Pò Cại đã trồng được hai vụ lúa: vụ mùa (tháng 7 - tháng 10) và vụ chiêm (tháng 3 - tháng 6). Giống lúa được người dân sử dụng là lúa Bao Thai cho vụ mùa và lúa Kim Cương cho vụ chiêm. Năng suất vụ mùa đạt được khoảng 1,5 tạ/sào, vụ chiêm đạt 2 tạ/sào. Mặc dù cho năng suất thấp hơn giống lúa Kim Cương, nhưng người dân vẫn ưa trồng giống lúa Bao Thai vì giống này có khả năng chống chịu dịch bệnh tốt hơn và bán được giá hơn.

Như vậy, cho dù ruộng lúa sử dụng nước suối hay nước chảy từ khe núi để canh tác thì nguyên tắc cơ bản và chủ yếu nhất trong việc dẫn nước vào ruộng của người dân ở đây vẫn là dẫn nước vào ruộng cao nhất rồi tháo xuống những diện tích ruộng ở dưới thấp. Đường mương dẫn nước đều được giữ gìn, bảo vệ và tu sửa thường xuyên.

Đến nay, bên cạnh những diện tích ruộng ở gần suối, khe nước được cung cấp đủ nước tưới, còn khoảng 30% diện tích đất

ruộng không chủ động được nước tưới mà phải trông chờ vào nước mưa. Đặc biệt, vào những năm hạn hán, diện tích ruộng này chủ yếu không canh tác được. Chính vì vậy, một số dự án trồng rau thơm, cây ớt muốn được thực hiện ở Pò Cại đều không khả thi.

2.2.3. Sử dụng nước mưa

Trước đây, khi chưa có sự tham gia của tiến bộ kỹ thuật cũng như những chính sách của Nhà nước, hoạt động nông nghiệp của người Tày ở Pò Cại phụ thuộc phần lớn vào nguồn nước mưa. Theo kinh nghiệm của họ, trong dịp đầu xuân, khi nghe thấy tiếng sấm kêu báo hiệu thời tiết âm áp, cây cỏ đâm chồi nảy lộc là lúc sắp có mưa, công việc đồng áng trong năm mới sẽ bắt đầu, báo hiệu một năm mùa màng thuận lợi.

Vào năm hạn hán, phần lớn người dân không canh tác được, kể cả lúa và rau màu. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu như hiện nay, diện tích ruộng chờ mưa ở Pò Cại hầu như chỉ canh tác được một vụ trong năm vào mùa mưa.

2.3. Sử dụng nước trong nuôi trồng và đánh bắt thủy sản

Nguồn thủy sản từ suối, ao, ruộng là thực phẩm quan trọng đối với người Tày. Chính vì thế, họ có nhiều cách khác nhau để duy trì nguồn thực phẩm này.

Trước đây, tận dụng mặt nước suối, người Tày ở Pò Cại thường cùng nhau đánh bắt cá tập thể. Nhưng hiện nay, trước bối cảnh kinh tế thị trường, một số người đi làm thuê ở khu vực biên giới, hoạt động này không còn được quan tâm nhiều nữa. Bất cá hiện giờ chỉ dành cho người trung tuổi hoặc thanh niên rủ nhau đi trong thời gian nghỉ

hè. Những người này thường tụ tập thành từng nhóm nhỏ với dụng cụ đánh bắt là chài, lưới, cần câu... và một số loại mồi để nhử cá.

Đánh chài, đánh lưới: Người dân ở đây thường chọn đi bắt cá vào lúc nông nhàn hoặc mùa mưa. Theo thời gian, họ có kinh nghiệm bắt cá khá độc đáo. Đầu tiên, người ta chọn đoạn suối quang, ít cành cây vướng làm nơi quăng lưới. Trước thời gian đi đánh lưới khoảng 2 - 3 ngày, họ thả cám rang để cá vào ăn cho quen mồi. Khi cá đã quen mồi, họ trộn cám với đất sét, nước măng chua, nặn thành nắm nhỏ, thả xuống đoạn suối để nhử cá quanh quần ở khu vực thả mồi. Thời điểm thả mồi cám đất sét là 5 - 6 giờ chiều, đến khoảng 8 giờ tối; khi thấy có nhiều tăm cá, họ quăng lưới chắc chắn bắt được cá. Cá bắt được thường là cá chép to, trê, chuối. Nếu gặp cá nhỏ, họ sẽ thả cá. Bằng cách này, nguồn lợi thủy sản từ thiên nhiên của người Tày ở đây được duy trì.

Câu cá: Người Tày câu cá nhiều vào mùa nước lớn tại các con sông, suối. Mồi câu thường là giun. Cần câu được làm bằng tre. Sợi câu được làm bằng cước. Thời gian đi câu thường vào buổi chiều, lúc cá đi ăn nhiều nhất. Trên sông, suối, đồng bào thường câu ở những chỗ nước quần. Các loại cá câu được thường là trê, bống, chuối...

Bên cạnh đánh bắt cá ở sông, suối, một số hộ dân ở Pò Cại vẫn giữ thói quen nuôi cá ở ao. Trước đây, ở Pò Cại, hầu như gia đình nào cũng có ao nuôi cá. Họ thả cá từ tháng 5 đến tháng 10 năm sau thì tháo nước. Khi tát nước bắt cá, cá to được mang bán, cá nhỏ được mang ra ruộng thả, cá nhỏ lúc này rất chóng lớn do tận dụng được nguồn mùn ở ruộng. Cá được thả ở ruộng từ tháng 10

đến khoảng tháng 3 - tháng 4 lại được chuyển về ao nuôi, sau 6 - 7 tháng có thể thu hoạch được cá. Với cách làm này, lúc nào tát nước bắt cá cũng được cá to để bán. Mùa thu hoạch cá ruộng thường được làm sau khi thu hoạch lúa. Đây là phương thức chăn thả rất độc đáo ở người Tày: họ đã biết tận dụng các nguồn lợi tự nhiên để phát triển nuôi thủy sản mà không cần sử dụng bất cứ một loại thức ăn chăn nuôi nào. Tuy nhiên, hiện nay, do các ruộng dùng nhiều phân hóa học, thuốc trừ sâu nên việc nuôi thả cá kết hợp cả ở ao và ở ruộng không còn tồn tại ở Pò Cại.

Với xu hướng phát triển kinh doanh, dịch vụ, đi làm thuê ở khu vực biên giới như hiện nay, người Tày ở đây không mấy quan tâm tới nghề nuôi cá nữa. Quan sát cho thấy trên địa bàn thôn, người dân chỉ thả cá ở những ao nhỏ ở gần nhà với mục đích cải thiện bữa ăn cho gia đình. Giống cá được chọn thường là trắm, chép, mè, trôi... Cá được nuôi lớn tự nhiên. Mỗi năm, ao được tháo nước một lần vào mùa đông để thu hoạch cá cũng như lấy bùn bón ruộng, vườn.

3. Bảo vệ và quản lý tài nguyên nước

Việc khai thác nguồn nước để sinh hoạt và canh tác nông nghiệp đã đi sâu vào tiềm thức của người dân Pò Cại, cùng với đó, là các quy định, tập tục về bảo vệ và sử dụng nguồn nước đã ra đời. Trong xã hội xưa, những quy định về quản lý và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên của người Tày đều tuân theo luật tục địa phương. Truyền thống này đến nay vẫn còn được lưu giữ và phát triển.

Đối với nguồn nước sinh hoạt và nước sản xuất: Để bảo vệ nguồn nước, trước đây và cả hiện nay, người Tày Pò Cại vẫn bảo lưu tập quán giữ lại các khu rừng trên đỉnh

đồi núi vì chúng được coi là các khu rừng đầu nguồn, nhằm bảo đảm nguồn nước ngầm được cung cấp thường xuyên. Quy ước của thôn luôn quy định rõ: Mọi người trong thôn có trách nhiệm bảo vệ hệ sinh thái rừng, không chặt thả gia súc vào rừng; săn, bắt, bẫy... động vật trong rừng; nghiêm cấm chặt, phá, khai thác rừng..." (Hương ước thôn Pò Cại).

Những hộ dùng chung mạch nước ngầm, hoặc chung đường ống dẫn nước, bên cạnh việc tuân theo những quy tắc chung của thôn về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, còn phải tuân theo những quy định riêng về gìn giữ, bảo vệ mạch nước, bể trữ nước. Cụ thể là, cứ khoảng 3 - 4 tháng, những nhóm hộ này lại cử người đi thu gom lá rụng và phát dọn cây cối xung quanh khu vực "giếng trời" một lần nhằm tránh lá cây, rong rêu, mầm cây làm tắc đường ống dẫn nước. Chẳng hạn, đối với các hộ dân dùng chung nguồn nước Pó Lượ (30 hộ), được chia thành 6 nhóm, mỗi nhóm 5 hộ, cứ 3 - 4 tháng đi kiểm tra và dọn vệ sinh khu vực đầu nguồn nước. Ngoài ra, trong ngày cuối cùng của năm cũ, tất cả các hộ dùng chung nguồn nước đều có một buổi cùng nhau phát quang xung quanh khu vực nguồn nước, đắp bờ, sửa chữa hệ thống dẫn nước và vệ sinh làm sạch "giếng" chứa nước⁶ trước khi làm lễ lấy nước cầu may trong năm mới.

Đối với khu vực nước suối chảy qua thôn, quy định của thôn nêu rõ: cá, tôm... ở suối là của chung, ai cũng có quyền đánh

bắt, nhưng cấm dùng thuốc độc bỏ xuống suối, cấm dùng kích điện để bắt cá. Quy định này nhằm bảo vệ nguồn nước cũng như nguồn lợi thủy sản, tránh khai thác cạn kiệt tài nguyên.

Đặc biệt, hiện nay, người Tày ở Pò Cại có Hội "hiếu"⁷ rất có uy tín với người dân trong thôn. Những người tham gia Hội "hiếu", bên cạnh việc tuân theo quy ước của làng, còn phải tuân theo những quy tắc nhất định của "Hội" về bảo vệ rừng đầu nguồn, giữ vệ sinh đầu nguồn nước, bảo vệ mương máng chung... Cụ thể là, nếu ai vi phạm các quy định của Hội "hiếu" sẽ mất hết các quyền lợi trong Hội, bị tước quyền tham gia vào hội và bị mọi người coi thường. Vì thế, các thành viên trong Hội "hiếu" đều cố gắng thực hiện đúng nội quy, quy định của Hội.

4. Phong tục tập quán liên quan đến nguồn nước

Vào ngày đầu năm, người Tày ở Pò Cại còn giữ được tục lệ đi cúng đầu nguồn nước cầu sức khỏe, may mắn, làm ăn phát tài cả năm. Lễ vật thường là bánh chưng chay, kẹo bánh, tiền vàng, hương. Tùy vào khoảng cách từ nhà đến nguồn nước mà các hộ đi sớm hoặc đi muộn, thời gian đến khu vực nguồn nước là trước giờ giao thừa. Người đi lễ thường là nhóm các nhóm chủ hộ dùng chung nguồn nước. Trước khi làm lễ cúng, họ cùng nhau dọn sạch cỏ rác khu vực đầu nguồn nước rồi cùng nhau làm lễ cúng "thần giếng". Khi làm lễ cúng xong, họ lấy nước về cầu may, và bắt đầu trở về nhà là vào thời điểm đầu tiên của năm mới. Trong bài khấn "thần giếng", họ cầu mong

⁶ Để làm sạch được lòng "giếng", họ khơi một rãnh nước nhỏ bên cạnh phòng khi mạch nước đùn lên nhanh không kịp vệ sinh lòng "giếng". Khi nước dưới mạch đùn lên, họ tát nước sang rãnh nhỏ vừa tạo thành, nhặt đá cuội, làm sạch lòng giếng, và lát lại đá cuội để giữ cho nước trong.

⁷ Những người tham gia hội "hiếu" không nhất thiết phải cùng dòng họ, chỉ cần sinh sống cùng thôn.

sức khỏe cho các thành viên gia đình trong năm mới, làm ăn thuận lợi. Sau khi khấn “thần giếng”, họ mang một ít nước về đổ vào chum, hoặc bể nước nhà mình gọi là lấy may đầu năm. Ngoài ra, một số gia đình còn nhặt những hòn đá cuội ở “giếng nước”⁸, múc một ấm nước, cho đá vào giỏ, sau đó mang những hòn đá này về đặt trong chuồng gà, lấy nước trong ấm cho gà uống. Tín ngưỡng này là mong muốn chăn nuôi thuận lợi, đàn gà sinh sôi nảy nở đầy nhà, đầy sân. Có thể nói, đây là tín ngưỡng rất riêng của người Tày ở Lạng Sơn, mặc dù trong bối cảnh xã hội phát triển, nhưng đến nay vẫn còn nhiều hộ gia đình tin vào tín ngưỡng cầu may ở nguồn nước vào đầu năm mới. Ngoài ra, cũng như các dân tộc khác, phụ nữ Tày ở Pò Cại cũng như ở nhiều vùng khác thường kiêng ra nguồn nước sau khi sinh nở.

5. Yếu tố tác động đến sử dụng tài nguyên nước của người Tày ở Pò Cại

Những biến đổi về sử dụng và quản lý tài nguyên thiên nhiên, trong đó có tài nguyên nước, của người Tày ở Pò Cại là do tác động của một số yếu tố: chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội miền núi; văn hóa tộc người; môi trường tự nhiên biến đổi... Các yếu tố này luôn có tác động hai mặt đến sử dụng và quản lý tài nguyên nước ở Pò Cại.

5.1. Ảnh hưởng của các chính sách phát triển kinh tế - xã hội

Theo Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ về “*Phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi,*

vùng sâu, vùng xa”, với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, Pò Cại đã được hỗ trợ xây dựng cải tạo hệ thống thủy lợi: xây đập tưới tiêu phục vụ canh tác nông nghiệp... Riêng trong năm 2014, cả xã Gia Cát đã nạo vét tu sửa được 9.300m kênh mương; điều này đã tác động không nhỏ đến sản xuất nông nghiệp của người dân địa phương. Nhiều diện tích ruộng chỉ canh tác một vụ do thiếu nước này đã canh tác được hai vụ lúa trong năm. Hoạt động khai hoang phục hóa đất canh tác được khuyến khích, thay đổi giống cây trồng, đời sống của đồng bào dần được cải thiện.

Dấu mốc nữa là Chương trình xây dựng nông thôn mới: Theo bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới, xã Gia Cát đã đạt được 9/19 tiêu chí, trong đó có tiêu chí về thủy lợi. Trong 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới, tiêu chí về môi trường “*tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia*” chưa “đạt” ở địa phương này. Để có được mức “đạt” trong tiêu chí về sử dụng nước sạch, địa phương này phải thành công trong việc xây dựng hệ thống cung cấp nước cho người dân. Nghĩa là, Nhà nước xây bể nước ở trung tâm thôn, sau đó sẽ có hệ thống đường ống cho các hộ tự bơm nước về. Nhưng dường như người dân không mấy “mặn mà” với dự án này bởi trên thực tế, Nhà nước xây bể chứa nước, nước lại được lấy từ các mạch nước ngầm trên núi có qua xử lý, lắp đặt đồng hồ nước, các hộ dân dùng phải trả tiền. Mặc dù nước qua xử lý tốt hơn so với loại nước họ vẫn dùng trước đây nhưng khi được hỏi, nếu có cấp nước như vậy thì người dân ở đây có dùng không, hầu hết câu trả lời mà nhóm nghiên cứu nhận được là “không”. Theo họ,

⁸ Theo quan niệm của họ, đây là những con “gà giếng”.

nguồn nước họ đang sử dụng là rất sạch. Nếu dùng nước sạch của Nhà nước cấp, họ phải mất tiền điện bơm nước và tiền nước hàng tháng.

5.2. Ảnh hưởng của yếu tố văn hóa tộc người

Người Tày cũng như các dân tộc khác ở nước ta vốn có tập quán đoàn kết, tương trợ lẫn nhau trong sản xuất cũng như trong sinh hoạt. Điều này được thể hiện trước hết là việc cùng nhau tạo một đường ống dẫn nước chung để đưa nước về sử dụng, cùng nhau đắp đập ngăn nước để canh tác ruộng. Đặc biệt, vì sử dụng nước dẫn từ trong núi về chứa tại các bể xi măng, nên nhiều khi các hộ gia đình có việc hiếu hỉ có thể bị thiếu nước dùng; các hộ hàng xóm xung quanh sẵn sàng chia nước ở bể nhà mình cho hộ cần dùng. Tình đoàn kết tương trợ của người Tày ở Pò Cại còn được thể hiện rất rõ trong quá trình cùng bảo vệ, làm vệ sinh những đường ống nước của những nhóm hộ cùng chung nhau một nguồn nước.

5.3. Ảnh hưởng của biến đổi môi trường

Trong những năm gần đây, hiện tượng biến đổi khí hậu đang diễn ra mạnh mẽ trên cả nước. Nơi sinh sống của người Tày ở Lạng Sơn cũng chịu ảnh hưởng không nhỏ của hiện tượng này. Đặc biệt, theo khảo sát tại địa phương, mùa mưa năm 2013 diễn biến bất thường, mưa nhiều, với cường độ lớn, gây ngập lụt. Với đặc thù là địa phương nằm trong khu vực lòng chảo giữa núi, nước sông Kỳ Cùng đổ về nhanh, khiến suối Pò Cại có mực nước lớn, gây ngập lụt ở một số khu ao, ruộng ảnh hưởng lớn đến sản xuất của người dân.

5.4. Tác động của nền kinh tế thị trường, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Do ở khu vực gần biên giới, người dân có điều kiện trao đổi, buôn bán hàng hóa cũng như làm thuê. Vì vậy, mức sống của họ đã tăng lên đáng kể, không chỉ về phương diện lương thực mà còn về tài sản trong gia đình. Người dân đầu tư mua máy bơm nước, khiến việc điều tiết nước cho ruộng lúa trở nên dễ dàng hơn. Theo đó, mùa vụ và năng suất cây trồng được tăng cao.

Kết luận

Qua thời gian, việc khai thác và bảo vệ nguồn nước theo truyền thống cho đến nay vẫn được người Tày bảo lưu. Tuy nhiên, người dân cũng có một số thay đổi nhất định trong công tác này. Cụ thể là những thay đổi ở một số công đoạn: thay vì phải đi lấy nước rất sớm như trước đây, nay người dân đã sử dụng ống nhựa dẫn nước về nhà; thay vì chỉ chờ vào nguồn nước mưa, và nước chảy từ khe núi để trồng trọt thì nay họ có thể bơm nước từ các suối để chủ động tưới cho đồng ruộng.

Cùng với đó là những kinh nghiệm tạo ruộng, phai độ đất cũng như những tập quán liên quan đến tài nguyên nước vẫn còn được lưu giữ trong đời sống người Tày ở Pò Cại. Song song với việc sử dụng nguồn nước, những quy định về bảo vệ nguồn nước được người dân trong thôn thực hiện nghiêm túc và có trách nhiệm. Trước nhiều tác động của quá trình phát triển kinh tế xã hội cũng như sự phát triển của kỹ thuật hiện đại, họ đã biết sử dụng, biết thích nghi, đổi mới, cải tiến trong việc tận dụng nguồn nước, phục

vụ cho sinh hoạt cũng như cho sản xuất sao cho phù hợp với bối cảnh mới.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Văn Hà (1999), *Các dân tộc Tày, Nùng với tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

2. Đoàn Đình Thi (2005), *Dân tộc Tày, Nùng ở Bắc Giang*, Báo cáo đề tài cấp Viện, Tư liệu Viện Dân tộc học.

3. Viện Dân tộc học (1992), *Các dân tộc Tày Nùng ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

4. Viện Dân tộc học (2014), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)* (Tái bản có sửa chữa, bổ sung), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

5. La Công Ý (1977), “Về các phương pháp “dẫn thủy nhập điền” của người Tày ở Việt Bắc”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 53-62.



Nguồn nước ao của người Tày ở thôn Pò Cại, xã Gia Cát, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn

Ảnh: Mộc Miên